

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH CNTT

ENGLISH FOR INFORMATION TECHNOLOGY

Lâm Đồng - 2020

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN.....	3
2. MỤC TIÊU/CĐR CỦA HỌC PHẦN	3
3. TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN.....	6
4. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC	6
5. NỘI DUNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VÀ TIẾN TRÌNH HỌC TẬP.....	8
6. TÀI LIỆU HỌC TẬP.....	24
7. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN.....	24
8. XÂY DỰNG MATRIX, MAPPING ĐỂ THEO DÕI TÍNH NHẤT QUÁN VỚI CHUẨN ĐẦU RA	28
9. THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN....	31
10. RUBRIC ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN	32

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH CNTT
(ENGLISH FOR INFORMATION TECHNOLOGY)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1. Mã số học phần: 20CT2103 **Tên học phần:** Tiếng Anh chuyên ngành CNTT
(English for Information Technology)

1.2. Số tín chỉ: 3 (1-2-0)

1.3. Thuộc chương trình đào tạo trình độ: đại học, **hình thức đào tạo:** chính quy

1.4. Loại học phần (bắt buộc, tự chọn): bắt buộc

1.5. Điều kiện tiên quyết: Không

1.6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Nghe giảng lý thuyết : 15 tiết
- Làm bài tập, thảo luận, luyện tập, hoạt động theo nhóm trên lớp : 30 tiết
- Tự học : 30 giờ

2. MỤC TIÊU/CĐR CỦA HỌC PHẦN

2.1. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu	Mô tả	CĐR của CTĐT	TĐNL mong muốn
KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH			
MT1	Hiểu được các loại hình văn bản nói và viết tiếng Anh mức độ trung cấp. Vận dụng các kiến thức về ngôn ngữ như: từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ âm, ngữ pháp cấp độ trung cấp để áp dụng trong lĩnh vực liên quan đến công nghệ thông tin. Có khả năng giao tiếp nghe, nói, đọc, viết với các đề tài chuyên ngành.	1.1.3	3
KỸ NĂNG VÀ THÁI ĐỘ			
Kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp			
MT2	Có khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành đối với các kỹ năng giao tiếp	2.5.7	3
		3.3.1	
		3.3.2	

	nghe,nói,đọc viết và sử dụng các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành CNTT.		
Kỹ năng mềm			
MT3	Thành lập, tổ chức và và quản lý nhóm học tập, ứng dụng CNTT nhằm nâng cao hiệu quả việc học tiếng Anh chuyên ngành CNTT.	3.1.1	3
		3.1.2	
		3.1.3	
Thái độ			
MT4	Thể hiện thái độ ham học hỏi, ý thức học tập và rèn luyện suốt đời.	2.4.6	3

2.2. Chuẩn đầu ra học phần

Mục tiêu môn học	Chuẩn đầu ra	Mô tả CDR	Chỉ định I, T, U
MT1	CDR1	Hiểu được các loại hình văn bản nói và viết tiếng Anh, vận dụng các kiến thức về ngôn ngữ như: từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ âm, ngữ pháp vào kỹ năng giao tiếp nghe,nói,đọc,viết liên quan đến môi trường làm việc CNTT	T
	CDR2	Hiểu được các loại hình văn bản nói và viết tiếng, vận dụng các kiến thức về ngôn ngữ như: từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ âm, ngữ pháp vào kỹ năng giao tiếp nghe,nói,đọc,viết liên quan đến hệ thống CNTT	T
	CDR3	Hiểu được các loại hình văn bản nói và viết tiếng Anh, vận dụng các kiến thức về ngôn ngữ như: từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ âm, ngữ pháp vào kỹ năng giao tiếp nghe,nói,đọc,viết liên quan đến giao tiếp dữ liệu trong môi trường CNTT	T
	CDR4	Hiểu được các loại hình văn bản nói và viết tiếng Anh, vận dụng các kiến thức về ngôn ngữ như: từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ âm, ngữ pháp vào kỹ năng giao tiếp nghe,nói,đọc,viết liên quan đến quản trị hệ thống CNTT	T
	CDR5	Hiểu được các loại hình văn bản nói và viết tiếng Anh, vận dụng các kiến thức về ngôn ngữ như: từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ âm, ngữ pháp vào kỹ năng giao tiếp	T

		nghe,nói,đọc,viết liên quan đến lựa chọn các dịch vụ CNTT với chi phí phù hợp và hiệu quả	
MT2	CĐR6	Có kỹ năng sử dụng các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành đối với các kỹ năng giao tiếp nghe, nói, đọc, viết ở mức độ trung cấp phù hợp với từng hoàn cảnh làm việc trong môi trường CNTT	T T
MT3	CĐR7	Có khả năng thực hiện các bước thành lập các nhóm học tập thông qua xây dựng giao tiếp hiệu quả với mọi người Tổ chức, triển khai các hoạt động nhóm phục vụ việc học tập dựa trên sở thích và năng lực của các thành viên Thực hiện được việc phối hợp,hỗ trợ, lãnh đạo dựa trên cam kết và trách nhiệm của các thành viên Áp dụng được các chức năng cơ bản trong phương tiện giao tiếp đa phương tiện trên các nền tảng quản lý học tập; sử dụng cơ bản các phần mềm soạn thảo văn bản để áp dụng ,hiệu chỉnh và trao đổi ý tưởng trong quá trình học tiếng Anh chuyên ngành CNTT	T
MT4	CĐR8	Thể hiện thái độ ham học hỏi, ý thức học tập và rèn luyện suốt đời.	T

3. TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành là học phần bắt buộc được giảng dạy vào học kỳ thứ II, thuộc khối kiến thức đại cương. Học phần hướng dẫn sinh viên sử dụng Tiếng Anh trong lĩnh vực CNTT qua việc ứng dụng các kiến thức về ngôn ngữ như ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng, ngữ nghĩa và các thuật ngữ chuyên ngành CNTT vào phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết phù hợp với từng hoàn cảnh làm việc và giao tiếp trong môi trường CNTT.

4. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC

4.1 Yêu cầu đối với người dạy

- Nội dung, lịch trình giảng dạy, các quy định của học phần và của giảng viên phải được công khai cho sinh viên vào buổi học đầu tiên. Mọi thắc mắc hay đề xuất của sinh viên về quy định của học phần phải được giải đáp thỏa đáng. Sau khi đã công bố nội dung và thống nhất các quy định của học phần, giảng viên phải áp dụng nhất quán, không được thay đổi trong suốt quá trình giảng dạy học phần.
- Trong trường hợp bất khả kháng phải thay đổi lịch trình giảng dạy, giảng viên phải thông báo trước cho sinh viên một khoảng thời gian hợp lý và sắp xếp lịch dạy bù đầy đủ.
- Các thay đổi về học vụ, nội dung, các yêu cầu của học phần (đặc biệt là các nội dung có liên quan đến quyền lợi của sinh viên) đều phải báo cáo và được Ban chủ nhiệm Khoa thông qua trước khi bắt đầu giảng dạy.

4.2 Yêu cầu đối với người học

4.2.1 Quy định về tham dự lớp học

- Các thắc mắc và đề xuất của sinh viên về các yêu cầu của môn học phải được đưa ra vào buổi học đầu tiên. Sau khi các yêu cầu của môn học và của giảng viên đã được công khai và đã được thống nhất, sinh viên phải tuyệt đối tuân thủ các quy định của môn học và của giảng viên đề ra trong suốt quá trình học tập.
- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nếu sinh viên vì lý do bất khả kháng hoặc hoàn cảnh đặc biệt (ví dụ bị bệnh,...) mà không thể tuân thủ các yêu cầu của môn học và của giảng viên đề ra thì phải có đơn xin phép và minh chứng để giảng viên xem xét các hình thức hỗ trợ.
- Sinh viên phải chuẩn bị kỹ bài trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên.
- Các sinh viên học lại bị trùng giờ có thể liên hệ với giảng viên để có những sắp xếp phù hợp.

4.2.2 Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- Sinh viên phải tuân thủ quy định của Trường về trang phục.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ 15 phút sau khi bài giảng đã bắt đầu sẽ không được vào lớp.
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

4.2.3 Quy định về học vụ

- Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật được thực hiện theo quy định của Trường. Sinh viên có thể tham vấn chuyên viên Khoa Công nghệ thông tin trong trường hợp không chắc chắn về thủ tục và mẫu biểu.
- Giải đáp thắc mắc: sinh viên được khuyến khích gặp và thảo luận trực tiếp với giảng viên phụ trách môn học khi gặp khó khăn trong việc tham dự hay tiếp thu nội dung bài giảng.
- Phản hồi của sinh viên về môn học: những phản hồi giúp cải tiến môn học luôn được khuyến khích. Trong quá trình học, sinh viên có các ý kiến đóng góp có thể trình bày trực tiếp với giảng viên hoặc gián tiếp thông qua đại diện của lớp.
- Sinh viên phải là người trực tiếp thực hiện phần lớn các công việc được yêu cầu. Những hành vi như nhờ người khác làm hộ, sao chép bài (hoặc một phần bài) của người khác, hoặc không làm bài mà vẫn đứng tên trong tiểu luận nhóm, nếu bị phát hiện thì được xác định là không hoàn thành học phần và phải đăng ký học lại trong năm học kế tiếp.

5. NỘI DUNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VÀ TIẾN TRÌNH HỌC TẬP

Buổi	Tên chương/ phần	Nội dung chính	CDR	Hoạt động dạy và học	Hình thức tổ chức dạy học học phần			Tổng	
					Lên lớp				SV tự nghiên cứu, tự học (giờ)
					Lý thuyết (tiết)	Bài tập (tiết)	Thảo luận nhóm (tiết)		
Buổi 1		Trình bày về chương trình tiếng Anh CNTT	CDR1 CDR6 CDR7 CDR8	GV trình bày và giảng giải nội dung bài học. SV thực hiện các hoạt động học tập theo yêu cầu của GV và đặt câu hỏi liên quan. GV hướng dẫn SV vận dụng kiến thức và kỹ năng để hoàn thành bài tập luyện tập, áp dụng cá nhân.	3	0.5	0.5	2	4
		Trình bày học phần và các yêu cầu của học phần							
		Trình bày các hoạt động học tập trực tuyến							
	Bài 1	Working in IT							

	Bài 1.1	IT Jobs and duties Các công việc và nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực CNTT Trạng từ tần suất và trạng từ mô tả thời gian Từ vựng chuyên ngành liên quan đến công việc và nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực CNTT							
	Bài 1.2	IT organisations Các hoạt động của các công ty CNTT Cách sử dụng và trả lời câu hỏi ở thì hiện tại đơn Từ vựng chuyên ngành liên quan đến hoạt động kinh doanh liên quan lĩnh vực CNTT		GV trình bày và giảng giải nội dung bài học. SV thực hiện các hoạt động học tập theo yêu cầu của GV và đặt câu hỏi liên quan. GV hướng dẫn SV vận dụng kiến thức và kỹ năng để hoàn thành bài tập					

				luyện tập, áp dụng cá nhân. GV hướng dẫn SV ôn bài, làm bài tập và chuẩn bị nội dung tiếp theo của bài học.					
Buổi 2	Bài 1(tt)	Working in IT	CDR1 CDR6 CDR7 CDR8	GV trình bày và giảng giải nội dung bài học.	1	2	1	2,5	4
	Bài 1.3	IT workplace rules Các quy định, nội quy làm việc trong môi trường CNTT Động từ khiếm khuyết và thức mệnh lệnh để xây dựng nội quy Từ vựng chuyên ngành liên quan đến hoạt động, vận hành trong môi trường làm việc CNTT		SV thực hiện các hoạt động học tập theo yêu cầu của GV và đặt câu hỏi liên quan. GV hướng dẫn SV vận dụng kiến thức và kỹ năng để hoàn thành bài tập luyện tập, áp dụng cá nhân.					

	Bài 1.4	Meetings Cách ý kiến đề xuất, đồng ý hay không đồng ý Động từ khiêm khuyết, cụm từ <i>how about/what about+ -ing</i> và <i>maybe/perhaps</i> đề đề xuất <i>I'm afraid</i> để không đồng ý Từ vựng chuyên ngành sử dụng trong các buổi họp Áp dụng các hoạt động trong môi trường làm việc CNTT		GV trình bày và giảng giải nội dung bài học. SV thực hiện các hoạt động học tập theo yêu cầu của GV và đặt câu hỏi liên quan. GV hướng dẫn SV vận dụng kiến thức và kỹ năng để hoàn thành bài tập luyện tập, áp dụng cá nhân. GV hướng dẫn SV ôn bài, làm bài tập và chuẩn bị nội dung tiếp theo của bài học.					
Buổi 3	Bài 2	IT system	CDR2		1	2	1	2,5	4

	Bài 2.1	System specifications Cách nêu cấu hình phần cứng Cách sử dụng số lớn và số nhỏ Từ vựng liên quan đến phần cứng	CDR6 CDR7 CDR8	GV trình bày và giảng giải nội dung bài học. SV thực hiện các hoạt động học tập theo yêu cầu của GV và đặt câu hỏi liên quan. GV hướng dẫn SV vận dụng kiến thức và kỹ năng để hoàn thành bài tập luyện tập, áp dụng cá nhân.						
--	----------------	---	----------------------	---	--	--	--	--	--	--

	Bài 2.2	GUI operations Cách xây dựng hướng dẫn để sử dụng giao diện đồ họa người dùng (GUI) Ngôn ngữ sử dụng để đưa ra hướng dẫn: thức mệnh lệnh, cụm mở đầu, từ nối Từ vựng chuyên ngành liên quan đến GUI		GV trình bày và giảng giải nội dung bài học. SV thực hiện các hoạt động học tập theo yêu cầu của GV và đặt câu hỏi liên quan. GV hướng dẫn SV vận dụng kiến thức và kỹ năng để hoàn thành bài tập luyện tập, áp dụng cá nhân. GV hướng dẫn SV ôn bài, làm bài tập và chuẩn bị nội dung tiếp theo của bài học.					
Buổi 4	Bài 2 (tt)	IT system	CDR2 CDR6 CDR7 CDR8	GV trình bày và giảng giải nội dung bài học. SV thực hiện các hoạt động	1	2	1	2,5	4
	Bài 2.3	Multimedia hardware Các loại hình đa phương tiện Câu với hai tân ngữ Từ vựng chuyên ngành về đa phương tiện							

	Bài 2.4 Operating systems Cách cài đặt hệ điều hành Ngôn ngữ đề nêu nguyên nhân và mục đích Từ vựng liên quan đến cài đặt hệ điều hành Áp dụng các hoạt động trong môi trường làm việc CNTT		học tập theo yêu cầu của GV và đặt câu hỏi liên quan. GV hướng dẫn SV vận dụng kiến thức và kỹ năng để hoàn thành bài tập luyện tập, áp dụng cá nhân. GV hướng dẫn SV ôn bài, làm bài tập và chuẩn bị nội dung tiếp theo của bài học.						
--	--	--	---	--	--	--	--	--	--

Buổi 5	Bài 3	Data commucation	CDR3 CDR6 CDR7 CDR8	GV trình bày và giảng giải nội dung bài học. SV thực hiện các hoạt động học tập theo yêu cầu của GV và đặt câu hỏi liên quan. GV hướng dẫn SV vận dụng kiến thức và kỹ năng để hoàn thành bài tập luyện tập, áp dụng cá nhân.	1	2	1	2,5	4
	Bài 3.1	Internet browsing Cách mô tả các vấn đề gặp phải với trình duyệt Cách sử dụng thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn và động từ chỉ trạng thái Từ vựng liên quan đến mạng, trình duyệt Web, trang Web							
	Bài 3.2	Networks Khái niệm về mạng lưới Mệnh đề quan hệ Từ vựng liên quan đến mạng lưới		GV trình bày và giảng giải nội dung bài học. SV thực hiện các hoạt động học tập theo yêu cầu của GV và đặt câu hỏi liên quan. GV hướng dẫn SV vận dụng					

				kiến thức và kỹ năng để hoàn thành bài tập luyện tập, áp dụng cá nhân. GV hướng dẫn SV ôn bài, làm bài tập và chuẩn bị nội dung tiếp theo của bài học.					
Buổi 6	Bài 3 (tt.)	Data commucation	CDR3 CDR6 CDR7 CDR8	GV trình bày và giảng giải nội dung bài học.	1	2	1	2,5	4
	Bài 3.3	Mobile computing Các lợi thế của máy tính di động Câu loại không điều kiện và loại điều kiện đầu Từ vựng liên quan máy tính di động Áp dụng các hoạt động trong môi trường làm việc CNTT		SV thực hiện các hoạt động học tập theo yêu cầu của GV và đặt câu hỏi liên quan. GV hướng dẫn SV vận dụng kiến thức và kỹ năng để hoàn thành bài tập luyện tập, áp dụng cá nhân. GV hướng dẫn SV ôn bài, làm					

				bài tập và chuẩn bị nội dung tiếp theo của bài học.					
Buổi 7	Bài 4	Administration	CDR4 CDR6 CDR7 CDR8	GV trình bày và giảng giải nội dung bài học. SV thực hiện các hoạt động học tập theo yêu cầu của GV và đặt câu hỏi liên quan. GV hướng dẫn SV vận dụng kiến thức và kỹ năng để hoàn thành bài tập luyện tập, áp dụng cá nhân. GV hướng dẫn SV ôn bài, làm bài tập và chuẩn bị nội dung tiếp theo của bài học.	1	2	1	2,5	4
	Bài 4.1	Spreadsheets and formulae Cách mô tả các hành động trong quá khứ Thì quá khứ đơn Từ vựng liên quan bảng tính và công thức							

	Bài 4.2 Databases Cách sử dụng các cơ sở dữ liệu Cách sử dụng <i>By + -ing</i> Từ vựng liên quan đến cơ sở dữ liệu		GV trình bày và giảng giải nội dung bài học. SV thực hiện các hoạt động học tập theo yêu cầu của GV và đặt câu hỏi liên quan. GV hướng dẫn SV vận dụng kiến thức và kỹ năng để hoàn thành bài tập luyện tập, áp dụng cá nhân. GV hướng dẫn SV ôn bài, làm bài tập và chuẩn bị nội dung tiếp theo của bài học.						
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Buổi 8	Bài 4 (tt.)	Administration	CDR4 CDR6 CDR7 CDR8	GV trình bày và giảng giải nội dung bài học.	1	2	1	2,5	4
	Bài 4.3	System administration Trình tự các công việc quản trị hệ thống Cách sử dụng <i>While, before, after</i> Tư vụng liên quan đến quản trị hệ thống		SV thực hiện các hoạt động học tập theo yêu cầu của GV và đặt câu hỏi liên quan. GV hướng dẫn SV vận dụng kiến thức và kỹ năng để hoàn thành bài tập luyện tập, áp dụng cá nhân. GV hướng dẫn SV ôn bài, làm bài tập và chuẩn bị nội dung tiếp theo của bài học.					
	Bài 4.4	Peripherals Nguyên nhân các vấn đề thường gặp phải với thiết bị ngoại vi		GV trình bày và giảng giải nội dung bài học. SV thực hiện các hoạt động					

		thì quá khứ tiếp diễn và quá khứ đơn Từ vựng liên quan đến thiết bị ngoại vi Áp dụng các hoạt động trong môi trường làm việc CNTT		học tập theo yêu cầu của GV và đặt câu hỏi liên quan. GV hướng dẫn SV vận dụng kiến thức và kỹ năng để hoàn thành bài tập luyện tập, áp dụng cá nhân. GV hướng dẫn SV ôn bài, làm bài tập và chuẩn bị nội dung tiếp theo của bài học.						
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Buổi 9	Bài 5	Choice	CDR5 CDR6 CDR7 CDR8	GV trình bày và giảng giải nội dung bài học.	1	2	1	2.5	4
	Bài 5.1	Web hosting Cách so sánh các sản phẩm Cách sử dụng so sánh hơn và so sánh nhất Từ vựng liên quan dịch vụ lưu trữ web		SV thực hiện các hoạt động học tập theo yêu cầu của GV và đặt câu hỏi liên quan. GV hướng dẫn SV vận dụng kiến thức và kỹ năng để hoàn thành bài tập luyện tập, áp dụng cá nhân.					
	Bài 5.2	IT costs Cách thảo luận các chi phí trong môi trường CNTT Cách sử dụng ngôn ngữ về tiền Từ vựng liên quan đến thiết bị và chi phí Áp dụng các hoạt động trong môi trường làm việc CNTT		GV trình bày và giảng giải nội dung bài học. SV thực hiện các hoạt động học tập theo yêu cầu của GV và đặt câu hỏi liên quan.					

				GV hướng dẫn SV vận dụng kiến thức và kỹ năng để hoàn thành bài tập luyện tập, áp dụng cá nhân. GV hướng dẫn SV ôn bài, làm bài tập và chuẩn bị nội dung tiếp theo của bài học.					
Buổi 10	Bài 5(tt.)	Choice(tt.)	CDR5 CDR6 CDR7 CDR8	GV trình bày và giảng giải nội dung bài học.	1	2	1	2,5	4
	Bài 5.3	Product research Nghiên cứu sản phẩm Cách sử dụng ngôn ngữ để đặt câu hỏi lịch sự: câu hỏi gián tiếp Từ vựng liên quan đến mô hình giá và đặc trưng		SV thực hiện các hoạt động học tập theo yêu cầu của GV và đặt câu hỏi liên quan. GV hướng dẫn SV vận dụng kiến thức và kỹ năng để hoàn thành bài tập luyện tập, áp dụng cá nhân.					

	Bài 5.4	Making recommendations Cách tư vấn sản phẩm Ngôn ngữ sử dụng để tư vấn Từ vựng liên quan đến phần mềm CAD		GV trình bày và giảng giải nội dung bài học. SV thực hiện các hoạt động học tập theo yêu cầu của GV và đặt câu hỏi liên quan. GV hướng dẫn SV vận dụng kiến thức và kỹ năng để hoàn thành bài tập luyện tập, áp dụng cá nhân.					
Buổi 11		Ôn tập	CĐR1 CĐR2 CĐR3 CĐR4	GV hướng dẫn SV ôn tập kiến thức trọng tâm. SV làm bài kiểm tra nói	3	2	0	5.5	5
		Ôn tập Thông tin về hình thức và thời lượng của kỳ thi cuối kỳ. Bài kiểm tra nói	CĐR5 CĐR6 CĐR7 CĐR8						
Tổng					15	20.5	9.5	10	45

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

[1] David, H. (2013). *English for Information Technology 2*. Pearson Education ESL Publisher

7. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1. Thang điểm đánh giá

- Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

7.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình

Có trọng số là **50%**, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau:

- Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, bài tập: **20%**.
- Điểm giữa kỳ: **30%**

7.3. Điểm thi kết thúc học phần

Điểm thi kết thúc học phần có trọng số là **50%**.

- Hình thức thi: Trắc nghiệm - Tự luận

7.4. Bảng chi tiết đánh giá học phần

Bảng 7.4.1 Đánh giá học phần

Thành phần	Nội dung	Thời điểm	CDR học phần	Hình thức đánh giá	Tỷ lệ (%)
Đánh giá quá trình	Bài tập áp dụng các hoạt động trong môi trường làm việc CNTT chủ đề công việc và nhiệm vụ liên quan lĩnh vực CNTT	Buổi 2	CDR1 CDR6 CDR7 CDR8	Bài tập trực tuyến (nhóm)	20%
	Bài tập áp dụng các hoạt động trong môi trường làm việc CNTT chủ đề hệ thống CNTT	Buổi 4	CDR2 CDR6 CDR7 CDR8	Bài tập trực tuyến (nhóm/)	
	Bài tập áp dụng các hoạt động trong môi trường làm việc CNTT chủ đề giao tiếp dữ liệu	Buổi 6	CDR3 CDR6 CDR7 CDR8	Bài tập trực tuyến (nhóm/)	
	Bài tập áp dụng các hoạt động trong môi trường làm việc CNTT chủ đề quản trị hệ thống	Buổi 8	CDR4 CDR6 CDR7 CDR8	Bài tập trực tuyến (nhóm)	
	Bài tập áp dụng các hoạt động trong môi trường làm việc CNTT chủ đề nghiên cứu sản phẩm CNTT	Buổi 10	CDR5 CDR6 CDR7 CDR8	Bài tập trực tuyến (nhóm)	
	Bài kiểm tra nghe giữa kỳ : Bài kiểm tra này yêu cầu sinh viên nghe hai bài nghe ngắn. Bài nghe thứ nhất sinh viên nghe và điền đáp án đúng vào chỗ trống. Bài nghe chiếm 10% số điểm Bài nghe thứ hai sinh viên nghe và đưa ra đúng hoặc sai cho mỗi câu trả lời. Bài nghe chiếm 5% số điểm	Buổi 9	CDR1 CDR2 CDR3 CDR4 CDR6	Bài kiểm tra trắc nghiệm- tự luận (cá nhân)	15%

	Ghi chú: Sinh viên nghe máy, mỗi bài 2 lần nghe liên tiếp. Thời lượng làm bài tối đa là 15 phút.				
	Bài kiểm tra nói giữa kỳ GV yêu cầu SV chuẩn bị trước ở nhà, sau khi đã giảng dạy nội dung phần đề nghị kiểm tra tại lớp GV Chọn một trong hai hình thức đọc thoại hoặc hội thoại dựa vào nội dung bài học Ghi chú: Thời lượng trình bày tối đa là 3 phút.	Buổi 11	CDR1 CDR2 CDR3 CDR4 CDR5 CDR6	Bài kiểm tra vấn đáp (cá nhân)	15%
Đánh giá cuối kỳ	Bài kiểm tra cuối kì Bài kiểm tra này bao gồm năm phần. Mỗi phần đánh giá trên 10% số điểm bao gồm: Phần 1: Trắc nghiệm chọn một trong bốn đáp án A,B,C,D (10 câu) Phần 2: Chọn từ cho sẵn phù hợp để điền vào chỗ trống (10 câu) Phần 3: Đọc một bài đọc và trả lời câu hỏi (5 câu) Phần 4: Viết câu hoàn chỉnh dựa trên các từ vựng cho sẵn (5 câu) Phần 5: Lựa chọn một trong hai chủ đề cho sẵn để viết một đoạn văn ngắn (150 từ) Ghi chú: Sinh viên làm bài kiểm tra trên giấy Thời gian làm bài: 90 phút.Sinh viên không được sử dụng từ điển hay bất kỳ tài liệu nào	Theo lịch thi của khoa	CDR1 CDR2 CDR3 CDR4 CDR5 CDR6	Bài thi trắc nghiệm-tự luận (cá nhân)	50%



8. XÂY DỰNG MATRIX, MAPPING ĐỂ THEO DÕI TÍNH NHẤT QUÁN VỚI CHUẨN ĐẦU RA

8.1 Ma trận nhất quán chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần CĐR CTĐT	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8
CĐR 1.1.3	H	H	H	H	H			
CĐR 2.5.7						H		
CĐR 3.3.1						H		
CĐR 3.3.2						H		
CĐR 3.1.1							H	
CĐR 3.1.2							H	
CĐR 3.1.3							H	
CĐR 2.4.6								H

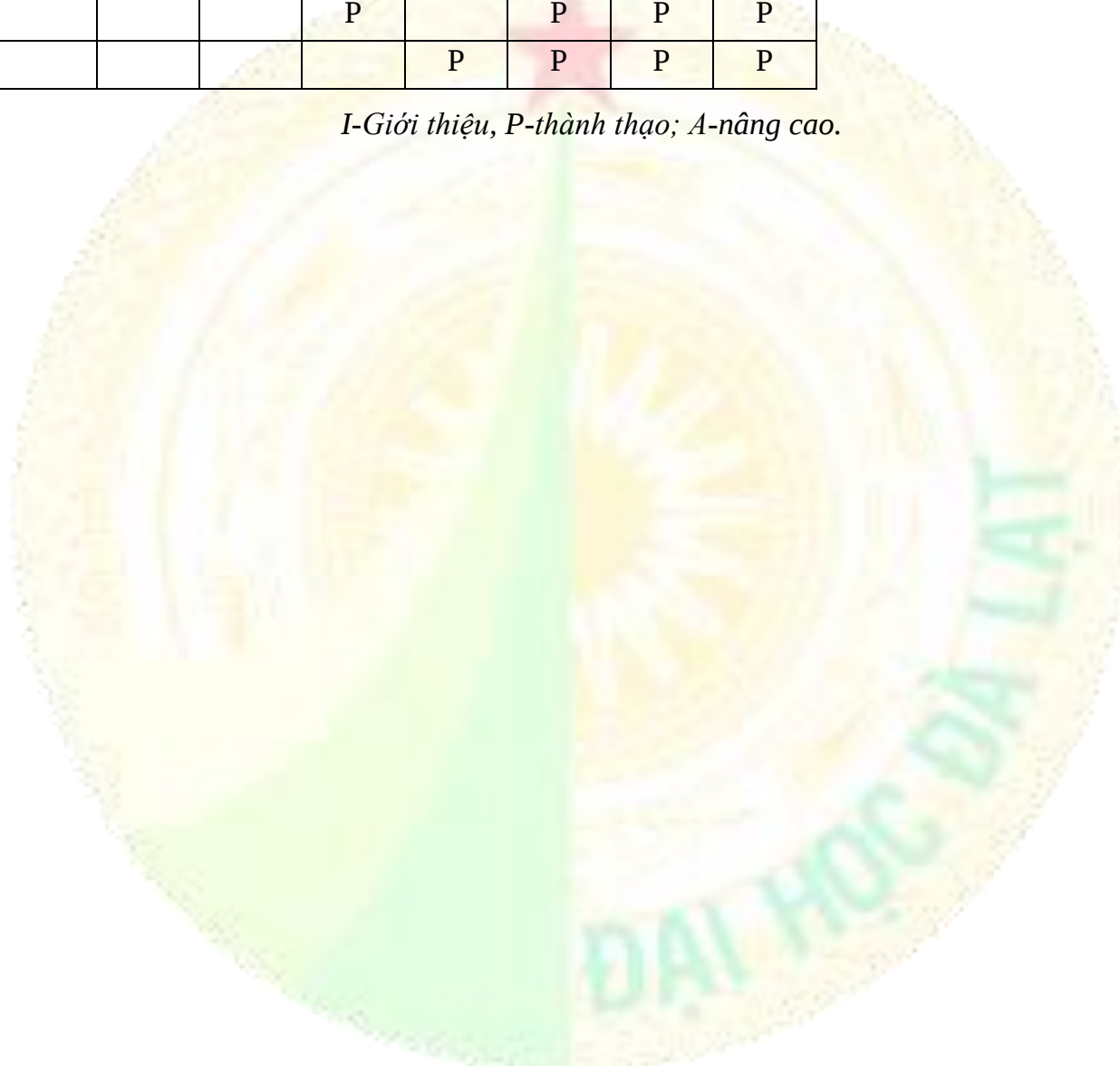
H: cao, M: trung bình, L: thấp

8.2 Ma trận nhất quán các bài học của học phần với chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần Bài học	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8
Bài 1	P					P	P	I
Bài 2		P				P	P	P

Bài 3			P			P	P	P
Bài 4				P		P	P	P
Bài 5					P	P	P	P

I-Giới thiệu, P-thành thạo; A-nâng cao.



8.3 Ma trận nhất quán phương pháp đánh giá với chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần PP đánh giá	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8
I. Đánh giá quá trình								
Bài tập trực tuyến (nhóm)	X	X	X	X	X	X	X	X
Bài kiểm tra nghe	X	X	X	X		X		
Bài kiểm tra nói	X	X	X	X	X	X		
II. Đánh giá định kỳ/cuối kỳ								
Bài thi cuối kì	X	X	X	X	X	X		

8.4 Ma trận nhất quán phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần PP giảng dạy	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8
I. Giảng dạy trực tiếp								
Giải thích cụ thể	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X	X	X
II. Giảng dạy gián tiếp								
Câu hỏi gợi mở	X	X	X	X	X	X	X	X

III. Học trải nghiệm								
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X
IV. Tự học								
Bài tập về nhà	X	X	X	X	X	X	X	X

8.5 Xây dựng ma trận tài liệu học tập (TLHT) với chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần TLTK	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	Trang
TLTK 1	X	X	X	X	X	X	X	X	Toàn bộ tài liệu

9. THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Lê Văn Tuấn Khoa, Thạc sĩ

Email: khoalvt@dlu.edu.vn

Số điện thoại: 02633 834048

10. RUBRIC ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1 Rubric đánh giá tham dự lớp học

Tiêu chí	CDR	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm
			Rất tốt (10 – 8.5)	Tốt (8.4 – 7.0)	Đạt yêu cầu (6.9 – 5.0)	Không đạt (4.9 – 0.0)	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập trên lớp	CDR1 CDR2 CDR3 CDR4 CDR5 CDR6 CDR7	20%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi, tích cực tương tác với các bạn cùng nhóm	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi, tương tác với các bạn cùng nhóm	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi, ít tương tác với các bạn cùng nhóm	Không tham gia thảo luận, trả lời, không đóng góp tương tác với các bạn cùng nhóm	

10.1 Rubric đánh giá kiểm tra nói

Tiêu chí	CĐR	Trọng số	Rất tốt (10-8.5)	Tốt (8.4-7.0)	Trên mức trung bình (6.9-6.0)	Trung bình (5.9-5.0)	Dưới trung bình (3-4.9)	Không đạt (2.9-0)	Điểm
Mức độ thành thạo kỹ năng nói	CĐR1 CĐR2 CĐR3 CĐR4 CĐR5 CĐR6	15%	Có thể thực hiện cuộc hội thoại khéo léo, bao gồm vốn từ vựng tốt và cấu trúc theo đúng chủ đề và phát âm rõ ràng. - Người nói trình bày một cách tự nhiên trong cuộc trò chuyện	Có thể thực hiện cuộc hội thoại khá tốt, bao gồm vốn từ vựng tốt và cấu trúc theo đúng chủ đề -Người nói lưu loát với ít lỗi phát âm rõ ràng hoặc ngữ pháp, có sự tự tin và chuẩn bị	Có thể thực hiện cuộc hội thoại khá phù hợp, bao gồm vốn từ vựng tốt và cấu trúc theo đúng chủ đề Người nói khá lưu loát, với một số lỗi, nhưng cuộc hội thoại vẫn theo dõi được	Có thể bắt đầu, theo dõi và kết thúc cuộc trò chuyện, có thể hiểu nhưng không trôi chảy. - Có một chút chuẩn bị và có nỗ lực cố gắng.	Cuộc trò chuyện thể hiện dưới mức trung bình, chỉ nói một vài câu từ dễ hiểu, Cuộc trò chuyện không lưu loát và nhiều lỗi phát âm.	Hoàn toàn không có sự chuẩn bị, không cố gắng. Hầu hết thời gian im lặng hoặc chỉ nói được vài từ đơn giản hoặc khó hiểu.	

10.2 Rubric đánh giá kiểm tra viết (Phần V- Bài thi cuối kì)

Tiêu chí	CDR	Trọng số (trong bài thi cuối kì)	Tiêu chí	Điểm
			Mỗi tiêu chí sau được đánh giá từ 0-0,5 điểm: -Nội dung -Khả năng giao tiếp -Bố cục -Ngôn từ	
Mức độ thành thạo kỹ năng viết	CDR1 CDR2 CDR3 CDR4 CDR5 CDR6	20%		

TRƯỞNG KHOA

TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN SOẠN

